ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 39 /2022/QĐ-UBND	*Kon Tum, ngày 25 tháng 11 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH

Quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện các dự án, công trình theo định mức hỗ trợ *(bằng hiện vật hoặc bằng tiền)* trên địa bàn tỉnh Kon Tum

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 4565/TTr-STC ngày 07 tháng 11 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định việc quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện các dự án, công trình theo định mức hỗ trợ *(bằng hiện vật hoặc bằng tiền)* trên địa bàn tỉnh Kon Tum, gồm:

a) Các dự án, công trình đầu tư xây dựng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia có quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp được tổ chức thực hiện theo hình thức sử dụng vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ *(bằng hiện vật hoặc bằng tiền)*.

b) Các dự án, công trình thực hiện theo hình thức sử dụng vốn đầu tư công hỗ trợ bằng vật liệu xây dựng, các hình thức hỗ trợ hiện vật khác theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

2. Những nội dung không quy định tại Quyết định này thực hiện theo quy định tại Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ, Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ và cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến việc quản lý, thanh toán, quyết toán phần vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện các dự án, công trình đầu tư xây dựng trong phạm vi quy định tại khoản 1 Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quyết định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước *(nguồn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh, ngân sách cấp huyện, ngân sách cấp xã)*, gồm: Vốn đầu tư công từ ngân sách nhà nước và vốn nhà nước ngoài đầu tư công.

a) Vốn đầu tư công từ ngân sách nhà nước gồm:

Vốn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho địa phương để đầu tư chương trình, dự án đầu tư công theo nhiệm vụ cụ thể được cấp có thẩm quyền quyết định.

Vốn ngân sách trung ương chi cho đầu tư phát triển thuộc ngân sách trung ương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Vốn ngân sách địa phương (*tỉnh, huyện, xã*) chi cho đầu tư phát triển thuộc ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

b) Vốn nhà nước ngoài đầu tư công bao gồm các nguồn: Chi thường xuyên, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư, các nguồn vốn khác có nguồn gốc từ nhà nước được bố trí để thực hiện dự án đầu tư.

2. Hiện vật: Là các loại vật liệu xây dựng được dùng để thi công, xây dựng công trình như: Xi măng, sắt, thép, cát, đá, sỏi, gạch, ngói và các loại vật liệu khác.

3. Cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ là người dân cư trú trên địa bàn xã có dự án, có kinh nghiệm, trình độ kỹ thuật về tổ chức thực hiện gói thầu xây dựng có quy mô nhỏ và không phức tạp.

Điều 4. Quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách hỗ trợ

1. Nhà nước hỗ trợ vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước để thực hiện:

a) Các dự án, công trình thực hiện theo định mức hỗ trợ bằng hiện vật hoặc bằng tiền theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, danh mục dự án, công trình được đầu tư xây dựng theo hình thức hỗ trợ có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn.

b) Các dự án, công trình đầu tư xây dựng có quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp, khối lượng công việc chủ yếu sử dụng lao động phổ thông, do cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ, hợp tác xã tham gia thực hiện và nằm trong danh mục loại dự án được áp dụng cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

2. Sau khi có Quyết định phê duyệt đầu tư dự án, công trình theo quy định, chủ đầu tư làm thủ tục mở Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách theo quy định tại Thông tư số 185/2015/TT-BTC ngày 17 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn đăng ký, cấp và sử dụng mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách; mở tài khoản giao dịch tại Kho bạc Nhà nước tỉnh, huyện, thành phố theo quy định tại Thông tư số 18/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn đăng ký và sử dụng tài khoản tại Kho bạc Nhà nước tỉnh, huyện, thành phố để thực hiện việc quản lý dự án, công trình; thực hiện kiểm soát, thanh toán vốn cho dự án, công trình theo quy định của pháp luật.

3. Đối với dự án, công trình thực hiện theo hình thức tham gia thực hiện của cộng đồng, chủ đầu tư đề nghị Kho bạc Nhà nước tạm ứng, thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt (*trường hợp người đại diện không có tài khoản*) hoặc chuyển khoản thông qua người đại diện cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ và không yêu cầu bảo lãnh tạm ứng vốn. Người đại diện thanh toán trực tiếp cho người dân tham gia thực hiện thi công xây dựng dự án, gói thầu. Chủ đầu tư, Ban quản lý xã và Ban giám sát của cộng đồng xã có trách nhiệm giám sát chặt chẽ việc thanh toán tiền công cho người dân.

4. Đối với dự án, công trình đầu tư được nhà nước hỗ trợ đầu tư có lồng ghép các khoản đóng góp của người dân bằng tiền hoặc hiện vật, ngày công lao động, nằm trong tổng mức đầu tư, khi phê duyệt dự toán thì các khoản đóng góp của người dân được quy đổi thành tiền; phải được tính trong giá trị công trình, dự án để theo dõi, quản lý tỷ lệ đóng góp đã thống nhất; không hạch toán vào thu, chi ngân sách nhà nước.

5. Việc quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện theo định mức hỗ trợ đảm bảo đúng mục đích, đúng đối tượng, tiết kiệm, hiệu quả; đúng quy định của pháp luật về đầu tư công, ngân sách nhà nước và quy định tại Quyết định này.

6. Thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án, công trình phải trên cơ sở kết quả nghiệm thu khối lượng nghiệm thu công trình hoàn thành được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận.

7. Dự án, công trình sử dụng vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện theo định mức hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Kon Tum khi hoàn thành bàn giao đưa vào khai thác, sử dụng phải lập báo cáo quyết toán vốn đầu tư theo niên độ ngân sách hằng năm, quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành theo quy định của pháp luật về đầu tư công, ngân sách nhà nước và quy định tại Quyết định này.

Điều 5. Thủ tục thanh toán

1. Hồ sơ thanh toán: Thực hiện theo quy định tại Mục 1 Chương II Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ, cụ thể:

a) Đối với khối lượng các công việc hoàn thành được thực hiện thông qua hợp đồng (*gồm hợp đồng xây dựng, hợp đồng thực hiện dự án không có cấu phần xây dựng*): Giấy đề nghị thanh toán vốn (*Mẫu số 04.a/*TT), Chứng từ chuyển tiền (*Mẫu số 05/TT*), Giấy đề nghị thu hồi vốn tạm ứng (*đối với trường hợp thu hồi tạm ứng, Mẫu số 04.b/TT*), Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành (*Mẫu số 03.a/TT*), Bảng xác định giá trị khối lượng công việc phát sinh ngoài hợp đồng ban đầu trong trường hợp có khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng ban đầu (*Mẫu số 03.c/TT*).

b) Đối với khối lượng công việc hoàn thành được thực hiện không thông qua hợp đồng: Giấy đề nghị thanh toán vốn (*Mẫu số 04.a/TT*), Chứng từ chuyển tiền (*Mẫu số 05/TT*), Giấy đề nghị thu hồi vốn tạm ứng (*đối với trường hợp thu hồi tạm ứng, Mẫu số 04.b/TT*), Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành (*Mẫu số 03.a/TT*), Bảng kê chứng từ thanh toán có chữ ký và đóng dấu của Ban quản lý xã hoặc Ban phát triển thôn (*trường hợp Ủy ban nhân dân cấp xã giao cho thôn thực hiện công trình*) lập và chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của khối lượng và giá trị đề nghị thanh toán theo dự toán chi phí thực hiện công việc được duyệt phù hợp với tính chất từng loại công việc.

2. Việc tạm ứng vốn, thu hồi vốn tạm ứng, thanh toán khối lượng hoàn thành: Thực hiện theo quy định tại Điều 10, Điều 11 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ quy định và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 6. Quyết toán vốn đầu tư

1. Quyết toán vốn đầu tư theo năm ngân sách (*quyết toán theo niên độ*):

Thực hiện theo quy định tại Mục 1 Chương III Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ; trình tự, thời hạn lập, gửi, xét duyệt, thẩm định và ra thông báo thẩm định quyết toán theo năm ngân sách thực hiện theo Quy định tại Quyết định số 09/2022/QĐ-UBND ngày 27 tháng 05 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thời hạn gửi báo cáo quyết toán vốn đầu tư công theo niên độ của chủ đầu tư, sở, phòng, ban thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện; trình tự, thời hạn lập, gửi, xét duyệt, thẩm định và ra thông báo thẩm định quyết toán vốn đầu tư công theo niên độ thuộc ngân sách của Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán theo niên độ thực hiện theo quy định tại Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành:

Khi dự án, công trình hoàn thành, chậm nhất sau 4 tháng tính từ ngày ký biên bản nghiệm thu hoàn thành, bàn giao đưa vào khai thác sử dụng, chủ đầu tư có trách nhiệm lập báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành và trình người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán theo quy định; trong đó:

a) Đối với phần vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước hỗ trợ: Giá trị quyết toán của từng loại công việc bằng khối lượng công việc hoàn thành đã được nghiệm thu đúng quy định nhân (×) với đơn giá, định mức theo quy định.

b) Đối với nguồn đóng góp bằng tiền hoặc hiện vật, ngày công lao động của người dân, thực hiện quyết toán theo giá trị đóng góp thực tế trong giá trị công trình, dự án được nghiệm thu theo đúng quy định để theo dõi, quản lý và không hạch toán vào thu, chi ngân sách nhà nước.

c) Hồ sơ, biểu mẫu Báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành trình thẩm tra, phê duyệt: Thực hiện theo quy định tại Mục 2 Chương III Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ; Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

d) Thẩm quyền phê duyệt, cơ quan chủ trì thẩm tra, nội dung thẩm tra, thời gian lập hồ sơ, thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành và các nội dung khác có liên quan: Thực hiện theo quy định tại Mục 2 Chương III Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 12 năm 2022.

2. Trong quá trình thực hiện, trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo các văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề vướng mắc, phát sinh đề nghị kịp thời phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh *(qua Sở Tài chính)* để được hướng dẫn kịp thời hoặc tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, xử lý theo quy định.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 8 (t/h);
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Tài chính (b/c);
- Bộ Tư pháp *(Cục Kiểm tra văn bản QPPL)*;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh (b/c);
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- HĐND các huyện, thành phố;
- Sở Tư pháp;
- Báo Kon Tum;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, HTKT.LDT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Lê Ngọc Tuấn